

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29-3-2024

V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hòa

2. Bà Lê Thị Hạnh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Văn Thái, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Bà Lý Tường Vy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh Đặng Minh H, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp P, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn L, là Luật sư Công ty Luật TNHH MTV L – Chi nhánh tại Quảng Ngãi, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Hẻm 1166 Q, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

2. **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị Mỹ H1, sinh năm 1989; địa chỉ: Xóm X, tổ dân phố L, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/11/2023 và 11/11/2023, văn bản trình bày ý kiến đề ngày 17/01/2024, nguyên đơn anh Đặng Minh H trình bày:

Năm 2014 anh và chị Nguyễn Thị Mỹ H1 tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 21/10/2014. Trong quá trình chung sống, anh và chị H1 thường xảy ra mâu

thuần, quan điểm sống trái ngược nhau dẫn đến nhiều công việc trong gia đình không thể cùng nhau giải quyết. Anh và chị H1 đã cố gắng tìm cách hòa giải nhưng vẫn không tốt hơn; anh và chị H1 không thể chung sống cùng nhau và đã ly thân từ nhiều năm nay. Giữa anh và chị H1 có quá nhiều mâu thuẫn trong hôn nhân, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân. Vì vậy, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị Mỹ H1.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị Mỹ H1 có 02 (hai) con chung là Đặng Nguyễn Khả N, sinh ngày 22/4/2019 và Đặng Nguyễn Duy M, sinh ngày 10/02/2016. Khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi một trong hai con; anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/01/2024 và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ H1 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đặng Minh H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre ngày 21/10/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống với gia đình chồng tại Bến Tre. Quá trình chung sống, anh H ngoại tình với người phụ nữ khác nên tháng 10/2022 chị dẫn 02 con về sống với cha, mẹ đẻ tại tổ dân phố Long Thạnh 1, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi mãi đến nay. Từ khi chị về quê đến nay, anh H không gọi điện thăm hỏi mẹ con chị. Nay chị và anh H không còn tình cảm vợ chồng nên anh H xin ly hôn thì chị đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Chị và anh H có hai con chung tên Đặng Nguyễn Khả N, sinh ngày 22/4/2019 và Đặng Nguyễn Duy M, sinh ngày 10/02/2016. Từ khi chị dẫn 02 con về Quảng Ngãi đến nay thì anh H không gọi điện thăm hỏi mẹ con chị, cũng không đóng góp tiền bạc hay vật chất gì để chị nuôi con. Nay anh H yêu cầu được trực tiếp nuôi một trong hai con chung thì chị không đồng ý vì từ khi sống ly thân đến nay anh H không quan tâm gì đến các con và các con không có tình cảm với cha. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con và yêu cầu Tòa án buộc anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 02 con, mỗi con mỗi tháng 1.500.000đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh H không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Đặng Minh H tại phiên tòa cho rằng:* Quá trình chung sống, giữa anh Đặng Minh H và chị Nguyễn Thị Mỹ H1 xảy ra nhiều mâu thuẫn, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử cho anh H được ly hôn chị Nguyễn Thị Mỹ H1. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung Đặng Nguyễn Khả N cho anh H nuôi dưỡng; về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tại phiên tòa:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn và bị đơn đúng theo quy định tại các điều 70, 71 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Minh H. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Minh H được ly hôn chị Nguyễn Thị Mỹ H1; về con chung: Giao 02 con chung là Đặng Nguyễn Khả N, sinh ngày 22/4/2019 và Đặng Nguyễn Duy M, sinh ngày 10/02/2016 cho cho chị H1 trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh Đặng Minh H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 02 con, mỗi con mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi; về tài sản chung, nợ chung: Anh H và chị H1 trình bày không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Đặng Minh H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với chị Nguyễn Thị Mỹ H1. Do đó, cần xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ H1 có nơi cư trú tại tổ dân phố L, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Đặng Minh H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Minh H và chị Nguyễn Thị Mỹ H1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 21/10/2014. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị H1 là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của anh Đặng Minh H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ ý kiến trình bày của anh Đặng Minh H và chị Nguyễn Thị Mỹ H1 trong quá trình giải quyết vụ án có căn cứ xác định: Trong quá trình chung sống, giữa anh H và chị H1 phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể chung sống với nhau được nên chị H1 đã dẫn 02 con về Quảng Ngãi, sống ly thân với anh H từ tháng 10/2022 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, anh H cương quyết yêu cầu được ly hôn và có

đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt; chị H1 xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh H và đồng ý ly hôn.

Từ những nhận định trên, có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa anh Đặng Minh H và chị Nguyễn Thị Mỹ H1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân, không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và đều có nguyện vọng được ly hôn. Do đó, việc anh H khởi kiện yêu cầu được ly hôn chị H1 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của các bên đương sự có căn cứ xác định: Anh Đặng Minh H và chị Nguyễn Thị Mỹ H1 có 02 con chung là Đặng Nguyễn Khả N, sinh ngày 22/4/2019 và Đặng Nguyễn Duy M, sinh ngày 10/02/2016. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H yêu cầu được nuôi một trong hai con; chị H1 yêu cầu được nuôi cả hai con.

Xét yêu cầu về nuôi con của anh Đặng Minh H và chị Nguyễn Thị Mỹ H1, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, chị H1 khai từ lúc vợ chồng sống ly thân đến nay anh H không thăm hỏi các con và cũng không phụ cấp tiền, tài sản để nuôi con; anh H yêu cầu được nuôi con nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh anh đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người cha trong thời gian vợ chồng sống ly thân. Mặt khác, hiện nay 02 con chung của anh H và chị H1 đang sống cùng với chị H1 và do chị H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; cháu Đặng Nguyễn Duy M trình bày có nguyện vọng được sống với mẹ, còn cháu Đặng Nguyễn Khả N là nữ, tuổi còn nhỏ nên rất cần sự chăm sóc trực tiếp từ mẹ. Do đó, để ổn định cuộc sống và các điều kiện tốt nhất cho các con chung của anh H và chị H1, cũng như để đáp ứng theo nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên khi cha, mẹ ly hôn theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cả 02 con chung của anh H và chị H1 cho chị H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Mỹ H1 yêu cầu Tòa án buộc anh Đặng Minh H phải cấp dưỡng cho 02 con, mỗi con mỗi tháng 1.500.000đồng. Xét thấy việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên sau khi ly hôn là quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Do đó, việc chị H1 yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại khoản 1 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết*”. Quá trình giải quyết vụ án, anh H và chị H1 không thỏa thuận được về mức cấp dưỡng cho con. Theo trình bày của anh H thì hiện nay anh đang làm nghề sửa chữa điện, máy lạnh, thu nhập dao động hằng tháng khoảng 6.000.000đồng đến 7.000.000đồng. Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh H cung cấp văn bản xác nhận ngày 27/3/2024, trong đó anh H trình bày gia đình anh có mảnh vườn trồng trái

cây với diện tích 4.400m² tại ấp Phụng Châu, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre để chứng minh điều kiện kinh tế. Xét mức thu nhập, khả năng thực tế hiện nay của anh Đặng Minh H và chi phí hợp lý cho những nhu cầu thiết yếu hiện nay của người chưa thành niên tại địa phương, Hội đồng xét xử thấy rằng việc chị H1 yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 02 con, mỗi con mỗi tháng 1.500.000đồng cho đến khi các con chung của anh H và chị H1 đủ 18 tuổi là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh H và chị H1 trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Anh Đặng Minh H phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng theo định kỳ. Số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh H đã nộp sẽ được khấu trừ vào số tiền án phí anh H phải chịu. Anh Đặng Minh H còn phải nộp tiếp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Đặng Minh H về quan hệ hôn nhân là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận; đối với ý kiến về nuôi con chung không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Riêng ý kiến đề nghị anh H cấp dưỡng cho 02 con, mỗi con mỗi tháng 1.000.000đồng không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các điều 144, 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 và 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Minh H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Minh H được ly hôn chị Nguyễn Thị Mỹ H1.

2. Về con chung: Anh Đặng Minh H và chị Nguyễn Thị Mỹ H1 có 02 (hai) con chung là Đặng Nguyễn Khả N, sinh ngày 22/4/2019 và Đặng Nguyễn Duy M, sinh ngày 10/02/2016. Giao 02 (hai) con chung là Đặng Nguyễn Khả N và Đặng Nguyễn Duy M cho chị Nguyễn Thị Mỹ H1 trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh Đặng Minh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng cho con: Anh Đặng Minh H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 02 (hai) con chung là Đặng Nguyễn Khả N và Đặng Nguyễn Duy M, mỗi con mỗi tháng 1.500.000đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng cho con được tính từ ngày tuyên án (ngày 29/3/2024) cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Anh H và chị H1 trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Anh Đặng Minh H phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng theo định kỳ. Số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001197 ngày 20/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi sẽ được khấu trừ vào số tiền án phí anh H phải chịu. Anh Đặng Minh H còn phải nộp tiếp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

7. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi Cục THADS thị xã Đức Phổ;
- UBND xã S, C, Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Phong